

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/HS-ST

Ngày: 28-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thanh Phong, ông Nguyễn Ngọc Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tri - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phùng Quang T - sinh năm 1990 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 10, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Đ - sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1964; vợ: Lê Thị G - sinh năm 1997; con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023 thì hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

2. Nguyễn Tú T1 - sinh năm 1998 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 10, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ (không xác định được), con bà Nguyễn Thị Hồng X - sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023 thì hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt)

3. Phạm Viết L - sinh năm 1992 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 10, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T - sinh năm 1954 và bà Cao Thị T - sinh năm 1957; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023 thì hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

4. Cao Văn G - sinh năm 1986 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 9, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn T - sinh năm 1959 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V - sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Thị Kim T - sinh năm 1986; con: Có 03 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2006/HSST ngày 31/10/2006 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xử phạt Cao Văn G 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Gián đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2011/HSST ngày 30/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, xử phạt Cao Văn G 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Gián đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

5. Nguyễn Q - sinh năm 1994 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 9, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q - sinh năm 1966 và bà Phạm Thị Bích P - sinh năm 1972; vợ: Nguyễn Thị Ngọc B - sinh năm 1999; con: Có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

6. Phạm Trung H - sinh năm 1996 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 10, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hùng T - sinh năm 1965 và bà Cao Thị L - sinh năm 1967; vợ: Nguyễn Thị Thanh H - sinh năm 2001; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

- *Người bị hại:* Anh Cao Văn G - sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 9, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt)

- *Người làm chứng:* Nguyễn Thị Bích N - sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu 9, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/02/2023, Cao Văn G - sinh năm 1986, trú tại khu 9, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lâm Thao trình báo sự việc xảy ra ngày 22/02/2023 tại khu vực nghĩa trang Nhân dân thuộc khu 11, xã C, huyện L, G bị Phùng Quang T - sinh năm 1990, Nguyễn Tú T1 - sinh năm 1998 và Phạm Viết L - sinh năm 1992, đều trú tại khu 10, xã C, huyện L đánh, trói, đe dọa và chiếm đoạt số tiền 23.500.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lâm Thao tiến hành điều tra làm rõ vụ án Đánh bạc và Cướp tài sản xảy ra vào ngày 22/02/2023 tại khu 11, xã C như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 21/02/2023, Phùng Quang T cùng Nguyễn Tú T1 và Phạm Viết L ngồi chơi uống nước tại nhà của L. Trong khi nói chuyện, T nói với T1 và L về việc có những lần đánh bạc trước đây với Cao Văn G thì G sử dụng bộ bài có bôi hóa chất để đánh bạc bịp ăn tiền của T và L. Do chưa có bằng chứng về việc G đánh bạc bịp nên T nói với T1 và L là T sẽ đứng ra rủ G đánh bạc bằng hình thức chơi bài ăn tiền, sau đó T1 và L đến cùng T để lật tẩy việc G đánh bạc bịp, bắt G phải mang số tiền đã thắng bạc của T và L trước đây đến để trả cho T và L. Nghe xong, L nói: “Bắt được phải đánh chiếu nó một trận”, T nói: “Đánh nhẹ nó thôi, chiếu yếu bắt nó đưa lại tiền đã thắng mình trước đó”, T nói tiếp: “Phải bắt nó mang trả lại 20.000.000 đồng mới đủ”. T, T1 và L đều đồng ý và thống nhất với nhau chơi đến khi đánh bạc cùng G thì sẽ thực hiện.

Khoảng 10 giờ ngày 22/02/2023, T gọi điện thoại cho G rủ đánh bạc, khi đánh bạc thì mỗi người có 10.000.000 đồng, G đồng ý. Cả hai thống nhất địa điểm đánh bạc tại nghĩa trang Nhân dân thuộc khu 11 xã C. Sau đó T chuyển 9.000.000 đồng từ số tài khoản 9036839744019 Ngân hàng Techcombank của T đến số tài khoản 42110000355276 Ngân hàng BIDV của G để nhờ G rút hộ ra tiền mặt với mục đích sử dụng đánh bạc, G đồng ý và bảo T gọi thêm người đến đánh bạc. T gọi điện thoại chiếu Nguyễn Q - sinh năm 1994, trú tại khu 9 xã C rủ

Q cùng đánh bạc và nói mỗi người đánh bạc phải mang đủ 10.000.000 đồng đến để đánh bạc, Q bảo với T chiếuui có hơn 7.000.000 đồng, T đồng ý. Lúc này, Q rủ thêm Phạm Trung H - sinh năm 1996, trú tại khu 10 xã C đi đánh bạc cùng. Sau khi rủ được G và Q đánh bạc, T gặp L và T1 tại giếng nước ở khu 10, xã C và bảo với Tất và L là T sẽ đi ra nghĩa trang để đánh bạc với G, còn Tất và L sẽ đi đến sau để cùng T lật tẩy việc G đánh bạc bịp sau đó yêu cầu G đưa tiền, tất cả cùng đồng ý.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến nghĩa trang thuộc khu 11, xã C gặp G, Q và H tại miếu thờ thần linh. G đưa cho T 8.970.000 đồng (đã trừ đi 30.000 đồng phí rút tiền tại cây ATM) là số tiền G đã rút hộ T, rồi G lấy trong miếu thần linh một chiếc chiếu nhựa có sẵn từ trước và trải ra trước cửa miếu để T, G, Q và H ngồi đánh bạc. Lúc này T bảo mọi người bỏ số tiền đánh bạc ra để kiểm tra xem mỗi người có đủ 10.000.000 đồng không. T thấy G bỏ ra không đủ 10.000.000 đồng nên T bảo G phải lấy thêm tiền. G đi về nhà lấy thêm tiền. Q bỏ số tiền mang theo ra có 2.300.000 đồng để xuống chiếu, T hỏi Q: “Có bao nhiêu đây”, Q sợ nói ít tiền T không chơi đánh bạc nên Q nói có gần 7.000.000 đồng. H bỏ số tiền mang theo ra có 1.300.000 đồng nhưng H nói là có hơn 2.000.000 đồng, thấy H mang ít tiền nên Q cho H vay thêm 1.000.000 đồng, do số tiền mang đi ít nên Q chuyển 1.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng của Q đến tài khoản Ngân hàng của T để nhờ T đưa tiền mặt chiếu Q rồi cho H vay. Lúc này L và T đến nhưng chiếuui có T, Q và H. Do mọi người chưa đánh bạc nên L và T1 ngồi chơi một lúc rồi cùng nhau đi về nhà. Khoảng 15 phút sau, G mang thêm tiền quay lại để đánh bạc. Tại nghĩa trang T, G, Q và H cùng nhau ngồi trên chiếc chiếuui trải trước cửa miếu thần linh, Q lấy ra bộ bài tú lơ khơ 52 quân để tất cả đánh bạc bằng hình thức chơi bài Liêng được thua bằng tiền. Đánh bạc được một lúc nhưng do có gió to, quân bài bị bay nên T, G, Q và H mang chiếuui, bài tú lơ khơ đi vào trong miếu tiếp tục đánh bạc.

Cách thức đánh bạc được các đối tượng thống nhất như sau: Sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chơi ván đầu tiên (không cược tiền) để xác định người thắng được cầm cái và đặt cược đầu tiên ở ván tiếp theo. Người cầm cái chiếuui chiếu mỗi người chơi 03 quân bài, mỗi người chơi đặt 50.000 đồng vào giữa cho Gọi là tiền “Gà” để cược, sau đó người cầm cái có Q đặt cược (hay còn gọi là “Tổ”) đầu tiên, (người cầm cái có thể lựa chiếuuon úp bài, người bên cạnh tiếp theo vòng sẽ là người tổ đầu tiên), những người chơi còn lại lần lượt theo vòng có Q lựa chiếuuon: Úp bài (người chơi sẽ mất đi số tiền gà và kết thúc ván bài); tổ theo (đặt tiền cược bằng với số tiền người tổ liền trước) và tổ thừa (đặt tiền cược nhiều hơn số tiền người tổ liền trước). Trong một ván những người chơi ai muốn tổ thừa đều được và được tổ thừa nhiều vòng nhưng mức thừa thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất không quy định. Ván bài kết thúc khi những người tổ sau đều tổ theo, hoặc đều úp bài. Sau khi tổ xong những người tham gia tổ sẽ mở

bài, so điểm 03 quân bài của mình với những người còn lại. Người có bài điểm cao nhất là người thắng toàn bộ số tiền cược của ván bài. Cách tính điểm từ cao xuống thấp lần lượt như sau:

Bài sấp: Là 03 lá bài cùng một quân, độ mạnh giảm dần từ A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2;

Bài liêng: Là 03 lá bài liên tiếp nhau về thứ tự, cao nhất là bộ Q, K, A; thấp nhất là bộ A, 2, 3. Khi có nhiều người có cùng bộ liêng thì so sánh đến chất của lá bài cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp là “Rô”, “Cỏ”, “Tép”, “Bích”;

Ảnh: Là 03 lá bài đều là các lá J, Q hoặc Q, K hoặc J, K, nếu người chơi cùng bộ ảnh thì so chất của lá bài cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp là “Rô”, “Cỏ”, “Tép”, “Bích”;

Điểm: Là tổng điểm của 03 lá bài, lấy số hàng đơn vị. Cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Các quân bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính với số điểm tương ứng là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9; các quân bài 10, J, Q, K được tính bằng 0 điểm; quân bài A được tính bằng 1 điểm. Nếu người chơi bằng điểm nhau thì so sánh đến chiều dài trong bài, bài có chiều dài cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp là “Rô”, “Cỏ”, “Tép”, “Bích”. Nếu người chơi bằng điểm và có cùng chiều dài bài cao nhất, thì lá bài cao hơn sẽ thắng theo thứ tự A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2;

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Tất và L cùng nhau đến nghĩa trang và đi vào trong miếu thần linh. L muốn tham gia đánh bạc cùng nên hỏi vay tiền của T, T cho L vay 3.000.000 đồng để L đánh bạc, Tất ngồi xem. Đánh bạc được một lúc thì T đi vệ sinh và nhờ Tất đánh bạc thay, T đồng ý và đánh bạc thay nhiều ván giúp T. Khi T quay lại thì Tất đưa bài cho T đánh và tiếp tục ngồi xem. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T nói với L: “Mày vào đánh đen quá, với lại tao và mày đánh không ăn tiền nhau thì đánh làm gì”, rồi T đứng dậy không đánh bạc nữa, L, G, Q và H vẫn tiếp tục đánh bạc. T và T1 cùng đi ra khỏi miếu đứng hút thuốc, T1 hỏi T: “Có bắt không”, ý hỏi T có bắt G đánh bạc bịp không, T nói: “Thế nào cũng được”, T nói tiếp: “Để tao đi ra nhặt mấy quân bài vào hỏi nó, nó mà cãi tao đánh nó mày lấy tiền của nó luôn”, Tất hiểu ý và đi vào trong miếu trước. T tìm xung quanh miếu nhặt được khoảng 30 quân bài tú lơ khơ xác định đây là các quân bài G mang đến đánh bạc những lần trước đó. T cầm xấp bài vừa nhặt được đi vào trong miếu thần linh, ném xấp bài này ra trước mặt G và hỏi: “Bài này là bài gì hả G, có phải bài thừa của mày không”, G nói: “Tao không biết, bài này tao mua ở quán tạp hóa”, thấy G không nhận, T dùng tay trái túm cổ áo G, tay phải tát vào mặt G, G không đánh lại, lúc này T1 dùng tay vơ hết số tiền của G đang đánh bạc để trên chiếu chỗ G ngồi, G đưa tay ra để giữ lại tiền, nhưng Tất gạt tay G ra và lấy tiền. T tiếp tục tát và hỏi G có nhận đánh bạc bịp không, G không nhận, T dùng một tay túm cổ áo G, một tay

nhặt viên gạch đất nung ở trong miếu dí vào đầu G đe dọa đánh G, bắt G phải nhận việc đánh bạc bịp. Q thấy vậy liền can ngăn và giằng được viên gạch trên tay T vứt đi. T tiếp tục Tm cổ áo lôi G ra khỏi miếu và tiếp tục hỏi có phải G mang bài thừa để đánh bạc bịp với T không, G không nhận và chiều nói mua bài ở quán tạp hóa. T nói với T1 và L: “Đưa tao mấy cái dây, tao trói thằng này vào đây”. T1 đi tìm dây và thấy trên xe mô tô của H có đoạn dây chun bằng cao su, màu đen, dài khoảng 2-3 mét, T1 lấy đoạn dây này và cầm lại chỗ T. T giữ G còn T1 dùng dây chun trói hai tay của G ra phía sau. Lúc này T nói với H: “Hôm nay đánh bạc không tính thắng thua, mày thắng nhiều đưa lại cho anh một ít”. H tự lấy số tiền 1.500.000 đồng đưa lại cho T. Tất dùng đoạn dây chun còn thừa đang trói tay G buộc nối hai tay của G đang bị trói phía sau vào gốc cây cau trước cửa miếu. T đứng trước mặt G hỏi: “Bây giờ ý mày thế nào”, G không nói gì, T dùng tay tát vào mặt G sau đó lấy 01 chiếc dép của T đang đi ở chiếu uân tát vào mặt G và nói tiếp: “Bây giờ mày trả cho bọn tao 20.000.000 đồng nếu không tao chiều bọn khác xử mày”, G vẫn không nói gì. Tất nói với G: “Mày trả cho anh T 10.000.000 đồng, trả cho anh L 10.000.000 đồng thì bọn tao tha”. Lúc này, L nói với Q và H: “Chúng mày ở đây làm gì, đi về đi”. Q và H liền ra về. Khi thấy Q và H đi về, G nhận việc một vài lần đánh bạc trước có dùng bài thừa và đánh bạc bịp với T và L. Lúc này, T thấy G bị trói tay bằng dây cao su chặt, thít tay G không lưu thông được máu nên T cởi trói bằng dây cao su cho G rồi nhặt 01 đoạn dây bằng kim loại mềm dẻo và 01 đoạn dây vải ở ngay gần đó trói hai tay của G vào gốc cây cau. T lấy điện thoại của G ở trên người G rồi ấn ngón tay đang bị trói của G vào điện thoại G để mở khóa điện thoại. T bảo G cung cấp mật khẩu mở tài khoản Ngân hàng để T kiểm tra tài khoản ngân hàng của G thấy tài khoản ngân hàng của G không có tiền. G nói không có tiền trả cho T. T yêu cầu G gọi điện chiều vợ G là chiều Nguyễn Thị Kim Thúy mang tiền đến nhưng G nói: “Nhà tao cũng không có tiền để mang đến”, T nói: “Mày phải trả tiền cho bọn tao, gọi vợ mày đem tiền đến cho tao”. L nói thêm: “Nếu không có tiền thì đi cầm xe lấy tiền trả cho bọn tao”, G nói: “Xe tao cầm giấy tờ và viết giấy bán lấy 12.000.000 đồng rồi, không cầm được nữa”, T nói: “Thôi, gọi điện về cho con Thúy bảo nó mang tiền đến”. G xin khát 2 đến 3 ngày sẽ trả, Tất nói: “Không được, trong chiều nay phải đưa”, L cũng nói: “Chiều nay phải đưa, nhanh lên còn về”. Sau đó, T cầm điện thoại G gọi chiều vợ G mở loa ngoài cho G nói chuyện, G nói với vợ về việc đánh bạc bịp bị nhóm T, Tất và L bắt ở khu vực nghĩa trang và bảo vợ mang số tiền 20.000.000 đồng đến để cho G về. Vợ G trả lời không đủ 20.000.000 đồng. G có quay sang nói với T xin đưa 10.000.000 đồng, nhưng T không đồng ý, G nói với vợ đi vay chiều đủ 20.000.000 đồng mang đến. Sau khi G gọi điện xong, Tất đi mua nước, T cởi trói tay phải cho G để G sử dụng điện thoại đi động của G nhắn tin với vợ G, tay trái của G vẫn bị trói vào gốc cây cau. Khoảng 10 phút sau, T1

mang nước về thì Tất cởi trói tay trái cho G. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, sau khi lấy tiền mặt của gia đình được số tiền 11.000.000 đồng và rút tiền trong tài khoản cá nhân tại cây ATM được số tiền 9.000.000 đồng, chị Thúy mang tiền đến khu vực nghĩa trang, T bảo L cầm tiền rồi G cùng chị Thúy đi về nhà. T, T1 và L đi về nhà của T1, tại đây T1 bỏ số tiền lấy được dưới chiếu bạc của G ra đếm được 3.500.000 đồng, T bảo T1 cầm luôn số tiền này và T lấy trong số tiền 20.000.000 đồng do vợ G mang đến đưa cho Tất thêm 500.000 đồng, T đưa cho L 10.000.000 đồng, số tiền 9.500.000 đồng còn lại T cầm. Sau đó, T và L đi về nhà.

Số tiền đánh bạc của từng người như sau: Phùng Quang T mang theo số tiền 10.970.000 đồng để đánh bạc, do Q cho H vay 1.000.000 đồng nên nhờ T đưa 1.000.000 đồng cho H, còn Q chuyển 1.000.000 đồng bằng tài khoản cho T, số tiền còn lại là 9.970.000 đồng, khi L tham gia đánh bạc T cho L vay 3.000.000 đồng nên còn lại 6.970.000 đồng, khi kết thúc đánh bạc T có 8.500.000 đồng (tính cả số tiền 1.500.000 đồng do H đưa lại cho T); Cao Văn G mang theo 9.400.000 đồng để đánh bạc, khi kết thúc đánh bạc G còn 3.500.000 đồng, xác định G thua bạc 5.900.000 đồng; Phạm Viết L mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, L vay T 3.000.000 đồng, tổng số tiền L sử dụng đánh bạc là 4.000.000 đồng, khi kết thúc đánh bạc còn lại 2.600.000 đồng, xác định L thua bạc 1.400.000 đồng; Nguyễn Q mang theo 2.300.000 đồng để đánh bạc, khi kết thúc đánh bạc Q có 5.100.000 đồng, xác định Q thắng bạc 2.800.000 đồng; Phạm Trung H mang theo 1.300.000 đồng để đánh bạc, vay của Nguyễn Q 1.000.000 đồng, tổng số tiền H sử dụng đánh bạc là 2.300.000 đồng, khi kết thúc đánh bạc, H đưa lại cho T 1.500.000 đồng, còn lại 5.270.000 đồng, xác định H thắng bạc 2.970.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 24.970.000 đồng.

Về tài sản của các bị cáo: Ngoài đồ dùng sinh hoạt cá nhân, các bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSLT ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Phùng Quang T, Nguyễn Tú T1, Phạm Viết L về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Cao Văn G, Nguyễn Q và Phạm Trung H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ không thay đổi, bổ sung cáo trạng, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phùng Quang T, Nguyễn Tú T1 và Phạm Viết L phạm các tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Cao Văn G,

Nguyễn Q và Phạm Trung H phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự về tội “Cướp tài sản”. Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự về tội “Đánh bạc”. Điểm a, b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phùng Quang T, Phạm Viết L và Nguyễn Tú T1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Văn G.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Q và Phạm Trung H.

Tuyên bố các bị cáo Phùng Quang T, Nguyễn Tú T1 và Phạm Viết L phạm các tội “Cướp tài sản” và tội “Đánh bạc”; các bị cáo Cao Văn G, Nguyễn Q và Phạm Trung H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phùng Quang T từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm 01 tháng tù (Hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù). Bị cáo được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Viết L từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 07 tháng tù (Hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù). Bị cáo được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tú T1 từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 05 tháng đến 04 năm 09 tháng tù (Hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù). Bị cáo được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Cao Văn G từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Q từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Lâm Thao nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Phạm Trung H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Lâm Thao nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Q và Phạm Trung H cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Nguyễn Q và Phạm Trung H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Q và Phạm Trung H. Buộc các bị cáo Nguyễn Q và Phạm Trung H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc các bị cáo Phùng Quang T, Phạm Viết L và Nguyễn Tú T1 có nghĩa vụ trả lại anh Cao Văn G 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền đã cướp của anh G. Các bị cáo đã nộp 23.500.000 đồng để trả lại anh G, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao nên xác nhận các bị cáo đã trả tiền xong cho anh G.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc của bị cáo Phùng Quang T: 9.500.000 đồng, Phạm Viết L: 2.600.000 đồng, Nguyễn Q: 5.100.000 đồng, Phạm Trung H: 5.270.000 đồng. Tổng số tiền của các bị cáo bị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước là 22.470.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Cao Văn G phải nộp 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền sử dụng đánh bạc để nộp ngân sách Nhà nước.

Tiêu huỷ 01 viên gạch đất nung, 01 sợi dây cao su màu đen, 01 đoạn dây vải màu xám, 01 sợi dây bằng kim loại dạng vòng tròn có đường kính 0,2 cm, 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh - trắng - vàng có kích thước 1,6m x 2m đã qua sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 30 quân bài (trong đó 11 quân bài mặt lưng in hoa văn màu xanh đậm, 19 quân bài mặt lưng in hoa văn màu xanh đỏ) và 01 chiếc dép bằng cao su màu đen.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Đã thực hiện đúng thẩm Q; đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo và người bị hại không ai có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Hành vi thực hiện của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Phùng Quang T, Nguyễn Tú T1, Phạm Viết L, Cao Văn G, Nguyễn Q và Phạm Trung H khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 22/02/2023 tại miếu thờ của nghĩa trang ở khu 11, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ, Phùng Quang T, Phạm Viết L, Cao Văn G, Nguyễn Q và Phạm Trung H đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức dùng bộ bài tú lơ khơ để chơi liêng, Nguyễn Tú T1 không bỏ tiền ra đánh bạc nhưng đã đánh bạc hộ T trong một thời gian. Số tiền đánh bạc của T là 6.970.000 đồng, L là 4.000.000 đồng, G là 9.400.000 đồng, Q là 2.300.000 đồng, H là 2.300.000 đồng. Phùng Quang T, Phạm Viết L, Nguyễn Tú T1, Cao Văn G, Nguyễn Q và Phạm Trung H đánh bạc đến 14 giờ cùng ngày thì xảy ra mâu thuẫn nên T đã tóm cổ áo của G và đánh, còn Tất lấy 3.500.000 đồng của G đang để dưới chiếu bạc, sau đó T, Tất và L yêu cầu G đưa 20.000.000 đồng do đánh bài bịp từ lần trước thì mới được về, do không có tiền nên G gọi điện chiếu chị Thúy là vợ của G mang 20.000.000 đồng đến, khi chị Thúy mang 20.000.000 đồng đến thì L đã cầm số tiền này và cho G về. Sau khi chiếm đoạt được 20.000.000 đồng, L cầm 10.000.000 đồng, T cầm 10.000.000 đồng và đưa lại cho Tất 500.000 đồng nên T còn 9.500.000 đồng, Tất cầm 500.000 đồng của T và 3.500.000 đồng của G để dưới chiếu bạc, tổng số tiền của T1 là 4.000.000 đồng. Quá trình đánh G, T đã cầm viên gạch đất nung để đánh G nhưng Q đã ngăn cản và giằng được viên gạch vứt đi, sau đó T và T1 đã dùng dây trói G vào gốc cây. Khi khám xét hiện trường, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lâm Thao đã thu giữ: 01 viên gạch đất nung, 01 sợi dây cao su màu đen, 01 đoạn dây vải màu xám, 01 sợi dây bằng kim loại dạng vòng tròn, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 30 quân bài và 01 chiếc dép bằng cao su màu đen.

Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra; Lời khai giữa các bị cáo với nhau; Vật chứng vụ án và các tài liệu khác lập lưu trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc là nguyên nhân phá vỡ hạnh phúc gia đình và những tệ nạn xã hội nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi đánh bạc để thu lời bất chính, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 24.970.000 đồng. Bị cáo Tất không bỏ tiền ra để đánh bạc nhưng đã đánh bạc hộ T trong một thời gian nên phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với T với vai trò là giúp sức. Khi đánh bạc, T đã đánh G để Tất lấy 3.500.000 của G, sau đó yêu cầu G đưa tiếp 20.000.000 đồng, do không có nên chị Thúy là vợ G đã mang 20.000.000 đến đưa cho T, L và T1, tổng số tiền T, Tất và L chiếm đoạt của G là 23.500.000 đồng. Trước khi chiếm đoạt tiền của G, các bị cáo có trao đổi là đánh G nhưng không nói rõ là đánh như thế nào nên khi đánh G thì T đã dùng viên gạch bằng đất nung để đánh nhưng Q đã ngăn cản và giảng được. Khi T cầm viên gạch bằng đất nung để đánh G thì T1 và L không ai có phản ứng gì. Mục đích T, L và T1 bắt giữ và trói G là làm cho G lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản. Đối với hành vi đánh bạc trước ngày 22/02/2023, các bị cáo không ai xác định được số tiền đánh bạc là bao nhiêu, thời gian đánh bạc và những người tham gia đánh bạc. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, các bị cáo T, T1, L, G, Q và H nhận thức được hành vi đánh bạc của các bị cáo là vi phạm pháp luật nên không tranh luận và bào chữa cho Hành vi phạm tội của mình; các bị cáo T, T1 và L nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nên không tranh luận gì. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phùng Quang T, Nguyễn Tú T1 và Phạm Viết L phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Cao Văn G, Nguyễn Q và Phạm Trung H phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Nội dung các điều luật quy định như sau:

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...;

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;”

[3] Tính chiềuأت vụ án: Xét thấy tính chiềuأت vụ án thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Hành vi đánh bạc của các bị cáo T, L, T1, G, Q và H đã xâm phạm trật tự công cộng; hành vi cướp tài sản của các bị cáo T, L và T1 đã xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của người khác và làm mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Vì vậy, đưa các bị cáo ra xét xử và có hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Vai trò đồng phạm: Vụ án có tính chiềuأت đồng phạm nhưng giản đơn, không mang tính tổ chức. Các bị cáo T, L, G, Q và H là những người cùng thực hiện hành vi đánh bạc nhưng T là người khởi xướng đánh bạc nên vai trò của T là chính, còn bị cáo T1 không bỏ tiền ra đánh bạc nhưng đã đánh bạc hộ bị cáo T trong một khoảng thời gian nên vai trò là giúp sức. Các bị cáo T, L và T1 khi thực hiện hành vi cướp tiền của G thì T là người trực tiếp đánh và giữ G để T1 dùng dây trói G, còn bị cáo L không đánh G nhưng đã nói với các bị cáo là đánh G và nói với Gảng về việc đưa tiền chiềuأت các bị cáo nên vai trò của T và T1 là chính, còn L vai trò là giúp sức. Vì vậy, khi quyết định hình phạt đối với tội đánh bạc thì xử phạt bị cáo T nghiêm khắc nhất, sau đó đến bị cáo G, Q, H, L và T1; đối với tội cướp tài sản thì xử phạt bị cáo T và T1 nghiêm khắc hơn bị cáo L. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo thì cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định hình phạt.

[5] Nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng bị cáo:

Đối với bị cáo Phùng Quang T: Tội cướp tài sản và tội đánh bạc, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ông ngoại của bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; Bị cáo nộp tiền hỗ trợ chương trình an sinh xã hội và xây dựng nhà đại đoàn kết cho Hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn”. Riêng tội cướp tài sản, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là “Bị cáo trả lại tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”; đối với tội đánh bạc bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là “Nộp lại số tiền sử dụng đánh bạc”. Nhân thân của bị cáo là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xét xử nên nhân thân tốt. Tội cướp tài sản bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự nên đủ điều kiện áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Quang T từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” là phù hợp. Vì vậy, tổng hợp hình phạt của hai tội để bị cáo chấp hành phạt chung và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Phạm Viết L: Tội cướp tài sản và tội đánh bạc, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bỏ để của bị cáo là bệnh binh, được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang”. Riêng tội cướp tài sản, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là “Bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”; đối với tội đánh bạc bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là “Nộp lại số tiền sử dụng đánh bạc”. Nhân thân của bị cáo chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xét xử nên nhân thân tốt. Tội cướp tài sản, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên bị cáo đủ điều kiện áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Viết L từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” là phù hợp. Vì vậy, tổng hợp hình phạt của hai tội để bị cáo chấp hành hình phạt chung và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Tú T1: Tội cướp tài sản và tội đánh bạc, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ông, bà ngoại của bị cáo đều được tặng thưởng Huy chương kháng chiến”. Riêng tội cướp tài sản, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là “Bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”; đối với tội đánh bạc bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là “Nộp lại số tiền sử dụng đánh bạc”. Nhân thân của bị cáo là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xét xử nên nhân thân tốt. Tội cướp tài sản, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên bị cáo đủ điều kiện áp

dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tú T1 từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” là phù hợp. Vì vậy, tổng hợp hình phạt của hai tội để bị cáo chấp hành hình phạt chung và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Cao Văn G: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bỏ để của bị cáo đã tham gia dân công hỏa tuyến, được tặng Huy chương bảo vệ tổ quốc; Ông ngoại của bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ”. Nhân thân của bị cáo là xấu, đã hai lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản và phải chấp hành án tập trung nhưng không lấy đó làm bài học chiếu bản thân, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo và coi thường pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Cao Văn G từ 06 tháng đến 09 tháng tù là phù hợp. Vì vậy, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Q và Phạm Trung H: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Nộp lại số tiền đã sử dụng đánh bạc”. Nhân thân của các bị cáo là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xét xử nên nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Q và Phạm Trung H mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp. Vì vậy, phạt các bị cáo cải tạo không giam giữ, trong thời gian cải tạo không giam giữ có sự giám sát của chính Q địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét thấy các bị cáo là người lao động tự do, hàng tháng không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo nhưng các bị cáo phải thực hiện lao động cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị phạt một khoản tiền. Xét thấy

các bị cáo không có tài sản gì và là người lao động tự do nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Các bị cáo Phùng Quang T, Phạm Viết L, Cao Văn G, Nguyễn Q và Phạm Trung H đã sử dụng tổng số tiền đánh bạc là 24.970.000 đồng. Khi đánh bạc, Phùng Quang T có 6.970.000 đồng, đánh bạc thắng 1.530.000 đồng; Phạm Viết L có 4.000.000 đồng, đánh bạc thua 1.400.000 đồng; Cao Văn G có 9.400.000 đồng, đánh bạc thua 5.900.000 đồng; Nguyễn Q có 2.300.000 đồng, đánh bạc thắng 2.800.000 đồng; Phạm Trung H có 2.300.000 đồng, đánh bạc thắng 2.970.000 đồng. Quá trình đánh bạc, Q đã chuyển khoản cho T 1.000.000 đồng để T đưa cho H 1.000.000 đồng tiền mặt để đánh bạc, tại phiên tòa T xác định định số tiền này liên quan đến hành vi đánh bạc nên đã nộp để sung ngân sách Nhà nước. Xét thấy các bị cáo sử dụng số tiền này để đánh bạc nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Phùng Quang T đã nộp 9.500.000 đồng, Phạm Viết L đã nộp 2.600.000 đồng, Nguyễn Q đã nộp 5.100.000 đồng, Phạm Trung H đã nộp 5.270.000 đồng. Bị cáo Cao Văn G chưa nộp lại số tiền đánh bạc nên buộc bị cáo G phải nộp 3.500.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Cơ quan cảnh sát điều tra khi xem xét hiện trường đã thu giữ 01 viên gạch đất nung, 01 sợi dây cao su màu đen, 01 đoạn dây vải màu xám, 01 sợi dây bằng kim loại dạng vòng tròn có đường kính 0,2 cm, 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh - trắng - vàng có kích thước 1,6m x 2m đã qua sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 30 quân bài (trong đó 11 quân bài mặt lưng in hoa văn màu xanh đậm, 19 quân bài mặt lưng in hoa văn màu xanh đỏ) và 01 chiếc dép bằng cao su màu đen. Xét thấy không có giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Phùng Quang T, Phạm Viết L và Nguyễn Tú T1 đã cướp 23.500.000 đồng của anh G. Các bị cáo đã nộp lại số tiền này tại Cơ quan cảnh sát điều tra để trả lại anh G, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao. Vì vậy, xác nhận các bị cáo Phùng Quang T, Phạm Viết L và Nguyễn Tú T1 đã trả lại anh Cao Văn G 23.500.000 đồng. Khi án có hiệu lực, anh G đến cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao làm thủ tục nhận lại số tiền này.

Các bị cáo Phùng Quang T, Phạm Viết L và Nguyễn Tú T1 khi thực hiện hành vi cướp tài sản của anh Cao Văn G đã đánh anh Giang nhưng anh G đã từ chối giám định thương tích. Tại phiên tòa anh G không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về sức khỏe nên không giải quyết.

[9] Án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự về tội “Cướp tài sản”. Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự về tội “Đánh bạc”. Điểm a, b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phùng Quang T, Phạm Viết L và Nguyễn Tú T1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Văn G.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Q và Phạm Trung H.

2. Tuyên bố các bị cáo Phùng Quang T, Nguyễn Tú T1 và Phạm Viết L phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Đánh bạc”; các bị cáo Cao Văn G, Nguyễn Q và Phạm Trung H phạm tội “Đánh bạc”.

2.1. Xử phạt bị cáo Phùng Quang T 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù (Hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù). Bị cáo được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Phạm Viết L 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù (Hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù). Bị cáo được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tú T1 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 06 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm 05 (Năm) tháng tù (Hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù). Bị cáo được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/3/2023 đến ngày 31/3/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.4. Xử phạt bị cáo Cao Văn G 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Q 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Lâm Thao nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Q cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Q có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Q. Buộc bị cáo Nguyễn Q phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2.6. Xử phạt bị cáo Phạm Trung H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Lâm Thao nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Trung H cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phạm Trung H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Trung H. Buộc bị cáo Phạm Trung H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

3. Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc các bị cáo Phùng Quang T, Phạm Viết L và Nguyễn Tú T1 có nghĩa vụ trả lại anh Cao Văn G 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền đã cướp của anh G. Các bị cáo đã nộp 23.500.000 đồng để trả lại anh G, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao nên xác nhận các bị cáo đã trả tiền xong cho anh G. Khi án có hiệu lực pháp luật, anh G đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao làm thủ tục để nhận lại 23.500.000 đồng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc của bị cáo Phùng Quang T: 9.500.000 đồng, Phạm Viết L: 2.600.000 đồng, Nguyễn Q: 5.100.000 đồng, Phạm Trung H: 5.270.000 đồng. Tổng số tiền của các bị cáo bị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước là 22.470.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Cao Văn G phải nộp 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền sử dụng đánh bạc để nộp ngân sách Nhà nước.

Tiêu huỷ 01 viên gạch đất nung, 01 sợi dây cao su màu đen, 01 đoạn dây vải màu xám, 01 sợi dây bằng kim loại dạng vòng tròn có đường kính 0,2 cm, 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh - trắng - vàng có kích thước 1,6m x 2m đã qua sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 30 quân bài (trong đó 11 quân bài mặt lưng in hoa văn màu xanh đậm, 19 quân bài mặt lưng in hoa văn màu xanh đỏ) và 01 chiếc dép bằng cao su màu đen.

(Viên gạch đất nung, sợi dây cao su, đoạn dây vải, sợi dây bằng kim loại, bộ bài tú lơ khơ, chiếc dép bằng cao su và tiền hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao).

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phùng Quang T, Nguyễn Tú T1, Phạm Viết L, Cao Văn G, Nguyễn Q và Phạm Trung H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Q kháng cáo: Các bị cáo và người bị hại có mặt có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- UBND xã C, huyện L;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên